

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN X **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH LONG AN

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hồng Phong

2/ Ông Trần Văn Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21/02/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 16/4/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xóm 19, thôn HT 2, xã CC, huyện TP, tỉnh BT.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Chí P**, sinh năm 1985. Địa chỉ: khu phố ND, thị trấn TT, huyện X, tỉnh LA.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông P có mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà và ông P tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày ngày 03/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã CC, huyện TP, tỉnh BT. Thời gian đầu, bà và ông P chung sống hạnh phúc; sau phát sinh mâu thuẫn thường xuyên và ngày càng gay gắt nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại BT và đã ly thân với ông P được 5 năm. Do không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 01 con chung tên Nguyễn Chí T sinh ngày 14/3/2013. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Chí P trình bày trong suốt quá trình vụ án có nội dung như sau:

Ông thống nhất với lời khai của bà H về mối quan hệ hôn nhân như bà H trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà H là về tiền bạc, tình cảm. Nay thấy không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này nên ông đồng ý ly hôn với bà H. Về con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 14/3/2013 hiện đang sống với bà H tại BT. Ông đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do tại các buổi hòa giải ông P đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Chí P. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về sự vắng mặt của đương sự: Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án giải quyết vắng mặt đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà H và ông P tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày ngày 03/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã CC, huyện TP, tỉnh BT. Thời gian đầu bà H và ông P chung sống hạnh phúc. Sau đó, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà H và ông P đã ly thân được 5 năm. Bà H yêu cầu được ly hôn với ông P và ông P đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân hạnh phúc dựa trên nền tảng của sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, cảm thông và chia sẻ. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là những bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Bà H và ông P đã ly thân được 5 năm. Cho đến nay, bà H xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn với ông P vì không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này. Ông P không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân và đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, mâu thuẫn trong hôn nhân giữa 2 bên là trầm trọng, yêu cầu xin ly hôn của bà H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

2.2 Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Chí T hiện nay đang sống chung với bà H. Ông P và bà H thống nhất giao cháu T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Nguyễn Chí Tuấn đang sống với bà H, nhằm tránh sự thay đổi hoàn cảnh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý trẻ. Ông P cũng đồng ý giao con cho bà H nên yêu cầu của bà H có cơ sở chấp nhận.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P không trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, buộc ông P cấp dưỡng cho cháu Tuấn theo quy định pháp luật mỗi tháng 750.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông P được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2.4 Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 273, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Chí P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Chí P.

2/ Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 14/3/2013 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Chí P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Nguyễn Chí P được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004974, ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị H không phải nộp thêm. Ông Nguyễn Chí P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4/ Án xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hợp lệ. Ông Nguyễn Chí P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã TP;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nhị - Nguyễn Hồng Phong

Lê Thị Mỹ Phượng